TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2023/DS-PT
Ngày: 30-9-2023

V/v: *Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu huỷ GCNQSDĐ*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng D - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2023/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023 về việc:*"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do Bản án số 21A/2023/DS – ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2023/QĐPT-DS ngày 12/9/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa phúc thẩm số 38/2023/QĐPT-DS ngày 18/9/2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Bà Lê Thị D, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện L, Bình Phước. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thiết H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Địa chỉ: Khu phố Ninh Phú, thị trấn L, huyện L, Bình Phước. (có mặt)

**Bị đơn:* Bà Bùi Thị Ngọc H, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Lê Như Y, sinh năm 2002 (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Đình M, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

4. Bà Trần Thị Thu Tr, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp Chà Là, xã Lộc Thịnh, huyện L, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

5. Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1968; Địa chỉ: 551/37/18, kp5, phường Hiệp Thành, quận 12, TP. Hố Chí Minh. (vắng mặt)

6. UBND huyện L, tỉnh Bình Phước; Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thỉnh – Phó trưởng phòng tài nguyên và môi trường. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Người làm chứng:* Bà Đặng Thị M, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp 1, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Lê Thị D.

NỘI D VỤ ÁN:

****Tại đơn yêu cầu phản tố, đơn bổ sung, tại phiên tòa bà Lê Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà D thống nhất trình bày:***

Năm 2007 bà nhận chuyển nhượng của bà Trang diện tích khoảng 2.000m^2, trong đó bao gồm diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) cho bà H và bà D, thửa đất tọa lạc ấp 1, xã L, huyện L, thời điểm chuyển nhượng không ai tranh chấp và thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2018 ông Nguyễn Đình M là trưởng ban công tác Mặt trận ấp đã vận động và bà D đóng góp một phần diện tích đất để sử dụng vào làm đường giao thông nông thôn khoảng 200m^2, trong thời gian vợ chồng bà D mâu thuẫn thì ông M đã lấy diện tích đất trên chuyển nhượng cho bà H với diện tích 258,5m^2, nay bà H được cấp giấy CNQSDĐ ngày 30/7/2019 với diện tích 258,5m^2, bà D được cấp giấy CNQSDĐ ngảy 23/7/2021 với diện tích 1286,0m^2.

Người đại diện theo ủy quyền cho rằng bà H khi thực hiện giao dịch sang nhượng đất chỉ mới 17 tuổi, diện tích cấp đất cho bà H không đủ điều kiện theo quyết định của UBND tỉnh Bình Phước. trong hồ sơ cấp đất cho bà H không phải là chữ ký của bà D, do diện tích đất cấp không đúng quy định pháp luật đất đai cho bà H, nay bà D yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ số CH 01516 được UBND huyện L cấp ngày 30/7/2019 mang tên Bùi Thị Ngọc H và công nhận diện tích 258,5m^2 của bà H cho bà D.

****Trong đơn khởi kiện, biên bản ý kiến của bà Bùi Thị Ngọc H trình bày:***

Bà có một thửa đất số 422, tờ bản đồ số TĐ 87-2019 diện tích 258,5m^2, được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CH 01516 ngày 30/7/2019 mang tên Bùi Thị Ngọc H, nguồn gốc thửa đất do bà H nhận sang nhượng lại từ ông M năm 2007, ngày 13/12/2021 bà Lê Thị D tự ý dời cột mốc mà bà đã cắm làm ranh giới giữa đất bà H và bà D, bà D tự ý lấn chiếm diện tích chiều ngang khoảng 01m, chiều dài khoảng 50m, trong quá trình giải quyết vụ án các cột mốc lấn chiếm đã không còn.

Nay tại phiên tòa bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Lê Thị D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh L trình bày:

Ông Long là con bà D, thửa đất cấp với diện tích 1286,0m^2 tọa lạc tại ấp 1, xã L là do mẹ ông mua lại của bà Trang, ông không có hùn vốn hay có công sức đóng góp gì cả, đó là tài sản của mẹ ông, gia đình chúng ông cũng không có ở trên thửa đất trên. Nay bà D kiện đòi bà H trả lại diện tích đất 258,5m2 và bà H kiện đòi bà D trả diện tích đất chiều ngang 01m, chiều dài khoảng 50m ông không có ý kiến yêu cầu gì, việc kiện trên do mẹ ông quyết định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên bà Nguyễn Lê Như Y trình bày:

Bà là con bà D, thửa đất cấp với diện tích 1286,0m^2 tọa lạc tại ấp 1 xã L là do mẹ bà mua lại của bà Trang, bà không có hùn vốn hay có công sức đóng góp gì cả, đó là tài sản của mẹ bà, gia đình chúng bà cũng không có ở trên thửa đất trên. Nay bà D kiện đòi bà H trả lại diện tích đất 258,5m^2 và bà H kiện đòi bà D trả diện tích đất chiều ngang 01m, chiều dài khoảng 50m bà không có ý kiến yêu cầu gì, việc kiện trên do mẹ bà quyết định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu Tr trình bày:

Khoảng năm 2009 bà mua của bà Loan (hiện đã chết), diện tích đất không nhớ, khi mua không đo đạc, giá khoảng 5.000.000đ (Năm triệu đồng), lúc đó là đất đỏ, đất ruộng, bà mua không ở nên có bán lại cho bà D vào năm 2010, khi bán có làm giấy tay, mọi việc thỏa thuận mua bán bà có ghi giấy cho bà D vào năm 2010, thời điểm thỏa thuận sang nhượng đất chỉ có bà và bà D không có ai khác, thửa đất bà mua của bà Loan và bán lại cho bà D (không đo đạc) thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giấy xác nhận ngày 24/3/2022 do bà D với một người đàn ông đưa đến, bà D nói với bà Trang là hồi xưa chị có bán đất cho tôi, nhờ bà ký xác nhận, bà nghĩ đúng là có bán đất cho bà D nên ký vào, khi ký bà không có đọc nội D, văn bản bà ký có người soạn sẵn, bà không có viết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình M trình bày:

Trước đây thời gian không nhớ cụ thể, ông Bảy Dương (trước đây là chủ nhiệm hợp tác xã, hiện đã chết) có cấp cho tôi một phần đất (gò trống) diện tích không biết, ông bỏ trống, khoảng năm 2007 ông có sang nhượng lại cho bà H, trước khi sang nhượng thửa đất chưa được cấp sổ đỏ, khi sang nhượng hai bên có làm giấy tay bà H giữ, ông sang nhượng cho bà H với diện tích chiều ngang từ nhà bà D hướng về đường đất là 5,5m, chiều sâu hướng về đất bà Đặng Thị M, khi sang nhượng cho bà H có cắm mốc ranh giới giữa đất ông và bà D, có sự chứng kiến của vợ chồng bà D và ông Bình trưởng ấp 1 xã L. Việc ông sang nhượng cho bà H nay ông không có ý kiến yêu cầu gì, vì thửa đất là thuộc quyền sử dụng của bà H.

Ông là Trưởng ban công tác mặt trận ấp từ năm 1998 cho tới nay, theo như trình bày của bà D năm 2018 ông có vận động bà D hiến đất làm đường là không đúng sự thật, trước năm 2018 đến nay ông không có vận động ai làm đường đi kể cả bà D, qua xem nội D bà D trình bày trong đơn phản tố là không đúng, nay ông không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh C trình bày:

Ông và bà D là vợ chồng, ông, bà đã ly hôn ngày 30/6/2016, thửa đất bà H, bà D đang sử dụng là tài sản chung của vợ chồng, hiện nay bà D đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất với diện tích 1286,0m^2, việc bà H kiện bà D và bà D kiện bà H ông không có ý kiến, yêu cầu gì, do bà D toàn quyền quyết định và ông xin vắng mặt suốt qúa trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND huyện L trình bày:

Việc cấp CNQSD đất số CH 01516 được UBND huyện L cấp ngày 30/7/2019 mang tên Bùi Thị Ngọc H là đúng theo quy định pháp luật đất đai, nay UBND huyện không có ý kiến, yêu cầu gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21A/2023/DS-ST ngày 27/6/2023, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSDĐ số CH 01516 ngày 30/7/2019 mang tên Bùi Thị Ngọc H.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị D về việc yêu cầu công nhận diện tích 258,5m^2 của bà Bùi Thị Ngọc H cho bà Lê Thị D.

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc H về việc yêu cầu bà Lê Thị D trả lại diện tích đất chiều ngang 01m, chiều dài khoảng 50m.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 10/7/2023, nguyên đơn bà Lê Thị D có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm do Tòa án nhân dân huyện L có vi phạm về thủ tục tố tụng.

** Tại phiên tòa phúc thẩm*:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Tòa án từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội D giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21A/2023/DS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội D phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị D về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 21A/2023/DS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Bà D cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Vũ Thanh Bình và ông Trần Văn Dân tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, cũng như tại đơn phản tố của bà Lê Thị D không yêu cầu và không trình bày lý do liên quan nào đến ông Vũ Thanh B và ông Trần Văn D1 trong vụ án. Đồng thời, xét thấy bản chất nội D vụ án không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông B, ông D1 nên không buộc phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm nhận thấy ông Nguyễn Đình M là người trực tiếp chuyển nhượng thửa đất tranh chấp cho bà

H nên đã đưa ông M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ông M đã có lời khai (được trích dẫn đầy đủ trong Bản án sơ thẩm). Do vậy, kháng cáo của bà D về nội D trên là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2] Bà D cho rằng diện tích đất 258,5m^2 của bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 30/7/2019 là phần đất nằm trong tổng diện tích 2000m^2 đất bà D nhận chuyển nhượng từ bà Trang nên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H ghi mục đích sử dụng đất là đất trồng lúa nước còn lại, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là không đúng với quy định số 52/2007/QĐ-UBND ngày 04/10/2007 của UBND tỉnh Bình Phước. Xét Quyết định số 52/2007/QĐ-UBND ngày 04/10/2007 của UBND tỉnh Bình Phước chỉ quy định về điều kiện tách thửa đất, không quy định diện tích tối thiểu đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu, căn cứ vào các quy định về đất đai cũng như viện dẫn như trên thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H là đúng quy định pháp luật, nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01516 ngày 30/7/2019 mang tên Bùi Thị Ngọc H là không có cơ sở.

[3] Xét yêu cầu công nhận diện tích 258,5m^2 cho bà Lê Thị D và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01516 ngày 30/7/2019 mang tên Bùi Thị Ngọc H;

Bà H được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất vào ngày 30/7/2019 bà D có biết và không có khiếu nại gì trong thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H. Bà D được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 23/7/2021, bà D cũng đã cam kết đất không có tranh chấp và đồng ý với kết quả đo đạc ngày 14/9/2020.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà D cho rằng, khi thực hiện giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà H chỉ mới 17 tuổi và thửa đất của bà H nhận sang nhượng là nằm trong tổng diện tích mà bà D nhận sang nhượng từ bà Trang. Xét thấy, khi thực hiện giao dịch sang nhượng thì bà H mới 17 tuổi, nhưng tại thời điểm bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H đã thành niên và khi bà D nhận sang nhượng thửa đất từ bà Trang thì các bên thừa nhận không tiến hành đo đạc diện tích sang nhượng, bà D cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh thể hiện diện tích nhận chuyển nhượng từ bà Trang 2000m^2, trong khi đó bà thống nhất với kết quả đo đạc ngày 14/9/2020 và diện tích 1.286,0m^2 trên giấy chứng nhận bà được cấp lần đầu

vào ngày 23/7/2021 với nguồn gốc thửa đất nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Thu Tr nên yêu cầu của bà không có cơ sở không được HĐXX chấp nhận.

Trong khi đó, thửa đất tranh chấp có nguồn gốc do bà H nhận sang nhượng lại từ ông Nguyễn Đình M, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H có phiếu lấy ý kiến dân cư, đã được niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nhưng không có ai khiếu nại gì, ngoài ra trong biên bản khảo sát hiện trạng và xác minh nguồn gốc thửa đất ngày 26/4/2019 Hợp tác xã Hưng Chiến xác nhận thửa đất cấp cho bà H không nằm trong đất của hợp tác xã quản lý, biên bản trên được bà D thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2022 (bút lục số 28) có chữ ký của bà xác nhận với tư cách là người giáp ranh nên UBND huyện L khẳng định trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất lần đầu của bà H là đúng theo quy định pháp luật đất đai. Toà cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà về yêu cầu trên là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị D về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01516 ngày 30/7/2019 đứng tên bà Bùi Thị Ngọc H và yêu cầu công nhận diện tích 258,5m^2 cho bà D là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị D. Cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 21A/2023/DS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[6] Về chi phí tố tụng sơ thẩm: Bà H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền mà bà H đã nộp.

[7] Về chi phí tố tụng phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm theo quy định.

[8] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị D;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21A/2023/DS-ST ngày 27/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước;

- Căn cứ khoản 3 Điều 24, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, Điều 238, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng các Điều 100, 166 Luật đất đai 2013;

- Áp dụng các Điều 105, 154, 155, 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;

- Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 quy định sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01516 ngày 30/7/2019 mang tên Bùi Thị Ngọc H và yêu cầu công nhận diện tích 258,5m^2 đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị Ngọc H cho bà Lê Thị D.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc H về việc yêu cầu bà Lê Thị D trả lại diện tích đất chiều ngang 01m, chiều dài khoảng 50m.

3. Chi phí tố tụng tại cấp sơ thẩm: Bà Bùi Thị Ngọc H phải chịu, được trừ vào số tiền mà bà H đã nộp.

4. Chi phí tố tụng tại cấp phúc thẩm: Bà Lê Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 8.000.000 đồng. Được trừ vào số tiền bà D đã nộp.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009807 ngày 28/4/2022. Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị Ngọc H 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0009772 ngày 05/4/2022.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị D phải chịu. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tiền số 0010597 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nga